

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 10 năm 2021 lập tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1188/2021/TLST-HNST ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Trương Quang C**, sinh năm 1971

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Đường N, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92 quyền số 11 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/8/1999 thể hiện ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm và lối sống không hòa hợp. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Trương Khánh L, sinh năm 2002 và Trương Thị Minh T, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 92 quyển số 11 ngày 20/8/1999 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, Tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung là Trương Khánh L, sinh năm 2002 và Trương Thị Minh T, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trương Quang C tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng lệ phí số AA/2021/0024095 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Quang C và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân P.B, TP.H, T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Vinh